

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
I Lĩnh vực Thương mại quốc tế							
1	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000376.H42	07 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến bộ ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
2	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000129.H42	05 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến bộ quản lý chuyên ngành)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
3	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000063.H42	07 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
4	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000347.H42	05 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
5	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
	ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí) 2.000255.H42		hành chính công		ngày 29/4/2026 của Chính phủ		
6	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn 2.000370.H42	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
7	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí 2.000362.H42	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
8	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP 2.000351.H42	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
9	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.000330.H42	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
10	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP 2.000272.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
11	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 2.000361.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
12	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 1.000774.H42	58 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
13	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại 2.000322.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
14	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini 2.002166.H42	58 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
15	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 1.001441.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
			hành chính công		ngày 29/4/2026 của Chính phủ		
16	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động 2.000662.H42	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước						
17	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000673.H42	Bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000669.H42	Năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
19	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000672.H42	Năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
20	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000648.H42	Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000645.H42	Năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
22	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000647.H42	Năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
II	Lĩnh vực Điện						
23	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013401.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
24	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013411.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
25	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013412.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
26	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013416.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
27	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) 1.013417.H42	trong thời hạn 07 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
28	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013418.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
29	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013419.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
30	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng 1.013420.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
III	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng						
31	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000981.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
32	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá 1.000172.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
33	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
	chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu 1.000949.H42						
34	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước 1.001335.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
IV	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại						
35	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. + Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trong trường hợp phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
36	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
37	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	+) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP; +) Trong thời hạn 26 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
		điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.					
38	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
39	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Trường hợp chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, sau 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện mà không nhận được bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan cấp Giấy phép xem xét, chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và rút Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
40	Thông báo hoạt động khuyến mại 2.000033.H42	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
41	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại 2.001474.H42	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
42	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 2.000004.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
43	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 2.000002.H42	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
44	Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài 2.000026.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
45	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài 2.000133.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
46	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam 2.000131.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
47	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
	2.000001.H42		hành chính công		ngày 29/4/2026 của Chính phủ		
V	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu						
48	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất 1.001062.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
49	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu 1.000890.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
50	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.000350.H42	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
51	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.005405.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
52	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.005406.H42	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
53	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu 1.001238.H42	Trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	x	
VI	Lĩnh vực Hóa chất						
54	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014728.H42	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính: 16 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
55	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014732.H42	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính: 16 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x
56	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014735.H42	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
		với địa phương đặt trụ sở chính: 16 ngày làm việc.		sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.			
57	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014734.H42	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	X	
58	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 1.014733.H42	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính: 16 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		X
59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện 1.014721.H42	Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
				hóa chất có điều kiện.			
60	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện 1.014720.H42	Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		X
61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện 1.014714.H42	Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		X
62	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện 2.002834.H42	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
				hóa chất có điều kiện.			
63	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện 1.014710.H42	Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		X
VII Lĩnh vực Công nghiệp địa phương							
64	Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp 1.012427.H42	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, trong đó thời hạn giải quyết: Bước 1 thực hiện trong 03 ngày làm việc để thông báo tiếp nhận hồ sơ và 10 ngày làm việc để nhận hồ sơ; Bước 2 thực hiện trong 05 ngày làm việc; Bước 3 thực hiện trong 20 ngày làm việc; Bước 4 thực hiện trong 05 ngày làm việc. Tổng thời hạn giải quyết: 43 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ		X

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
1	1.001338.H42	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 02/4/2026
2	2.000190.H42	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2026
3	1.001323.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 02/4/2026
4	2.000176.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
5	2.000598.H42	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 02/4/2026
6	2.000167.H42	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2026
7	2.000637.H42	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2026
8	2.000640.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
9	2.000197.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
10	2.000626.H42	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2026
11	2.000204.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
12	2.000622.H42	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025

II Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng				
13	1.000667.H42	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
14	1.000162.H42	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
15	1.013780.H42	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 20/10/2025
III Lĩnh vực Xuất nhập khẩu				
16	1.003438.H42	Cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2026
17	1.004155.H42	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
18	1.000551.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
19	1.004181.H42	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
20	2.001758.H42	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025
21	1.013779.H42	Cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/8/2025

22	1.001419.H42	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2026
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
1	2.000181.H42	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 02/4/2026
2	2.000162.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 02/4/2026
3	2.000150.H42	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Công bố tại Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 02/4/2026